

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, xây dựng

3. Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ :

Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;

Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;

- Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;

Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;

- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 Công ty có 1.009 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.160 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí} & & \text{Giá trị} & & \text{Thu nhập} & & \text{Các khoản} & & \text{Chi phí} & & \text{Lãi vay} \\ \text{sản xuất kinh doanh} & = & \text{sản lượng} & - & \text{chịu thuế} & - & \text{phụ phí} & - & \text{quản lý} & - & \text{ước tính} \\ \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{tính trước} & & \text{(nếu có)} & & \text{ước tính} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Riêng thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp số lượng, khối lượng sản phẩm và thời gian khấu hao là 25 năm.

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá

Chi phí bóc phủ khai thác bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh 11.7 trước khi Công ty chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động khai thác đá.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có Biên bản nghiệm thu và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.498.865.384	763.114.901
Tiền gửi ngân hàng	7.388.600.989	15.011.524.871
Tiền đang chuyển	733.787.862	-
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	3.000.000.000
Cộng	9.621.254.235	18.774.639.772

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về khối lượng xây lắp	192.290.558.676	172.097.127.072
Phải thu về cung cấp điện, nước, vật liệu xây dựng	13.767.478.557	9.883.414.470
Phải thu tiền bán thành phẩm	2.366.310.983	2.288.814.809
Cộng	208.424.348.216	184.269.356.351

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về khối lượng xây lắp	64.027.875.677	54.118.641.139
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	1.259.318.514	3.494.009.777
Trả trước cho nhà cung cấp điện	30.045.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	172.587.450	-
Cộng	65.489.826.641	57.612.650.916

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT, BHTN phải thu CBCNV	265.933.092	167.838.597
Tiền ăn phải thu CBCNV	254.707.371	182.120.014
Tiền vay lương của CBCNV	65.500.000	77.600.000
Phải thu các đội công trình	2.000.000	2.000.000
Phải thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng chi hộ cho chủ đầu tư	402.233.580	-
Các khoản phải thu khác	1.084.123.945	630.292.563
Cộng	2.074.497.988	1.059.851.174

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(470.775.405)	(470.775.405)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(83.408.128)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(83.408.128)	(23.131.500)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(387.367.277)	(364.235.777)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	(470.775.405)	(470.775.405)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	470.775.405	48.015.631
Trích lập dự phòng bổ sung	-	470.775.405
Giảm khác	-	(48.015.631)
Số cuối kỳ	470.775.405	470.775.405

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	4.211.203.184	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.747.040.014	10.173.186.721
Công cụ, dụng cụ	380.585.518	273.498.487
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	115.873.535.347	70.576.058.455
Thành phẩm	256.191.736	1.036.308.348
Cộng	135.468.555.799	82.059.052.011

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản	560.500.000	-
Chi phí thuê nhà	-	28.000.000
Cộng	560.500.000	28.000.000

8. Tài sản ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	15.984.757.989	7.624.235.150
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	50.000.000
Cộng	<u>16.035.757.989</u>	<u>7.675.235.150</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	52.680.006.376	63.986.414.865	22.598.931.155	1.596.911.237	140.862.263.633
Tăng trong kỳ	20.106.844.110	25.000.000	-	178.527.272	20.310.371.382
Mua sắm mới	-	25.000.000	-	178.527.272	203.527.272
Đầu tư XD CB hoàn thành	20.106.844.110	-	-	-	20.106.844.110
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(1.289.721.320)	-	(575.536.399)	(1.865.257.719)
Số cuối kỳ	<u>72.921.933.755</u>	<u>62.526.459.101</u>	<u>22.598.931.155</u>	<u>1.260.053.285</u>	<u>159.307.377.296</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.700.299.083	16.012.761.155	9.834.818.103	1.413.821.169	36.961.699.510
Khấu hao trong kỳ	1.523.827.703	2.117.306.411	1.363.726.512	68.036.727	5.072.897.353
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(1.252.006.808)	-	(575.536.399)	(1.827.543.207)
Số cuối kỳ	<u>11.224.126.786</u>	<u>16.878.060.758</u>	<u>11.198.544.615</u>	<u>906.321.497</u>	<u>40.207.053.656</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.979.707.293	47.973.653.710	12.764.113.052	183.090.068	103.900.564.123
Số cuối kỳ	<u>61.697.806.969</u>	<u>45.648.398.343</u>	<u>11.400.386.540</u>	<u>353.731.788</u>	<u>119.100.323.640</u>

Tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Thác Trắng có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 83.017.105.614 VND và 65.398.639.776 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị lợi thế kinh doanh	Giá trị thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	425.524.358	583.333.335	1.008.857.693
Khấu hao trong kỳ	36.473.520	49.999.998	86.473.518
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	461.997.878	633.333.333	1.095.331.211
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	303.946.068	416.666.665	720.612.733
Số cuối kỳ	267.472.548	366.666.667	634.139.215

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	28.958.738.784	3.745.132.628	20.248.144.109	12.455.727.303
Tầng 7 tòa nhà Sông Đà Hà Đông	28.958.738.784	3.603.832.629	20.106.844.110	12.455.727.303
Mua sắm TSCĐ khác	-	141.299.999	141.299.999	-
XDCB dở dang	5.867.390.508	4.213.555.104	-	10.080.945.612
Dự án khai thác và SX đá XD	1.956.687.576	2.382.751.818	-	4.339.439.394
Văn phòng làm việc CN 11.7	1.849.700.208	1.467.753.636	-	3.317.453.844
Dự án KDC Hòa Bình	187.456.459	289.078.924	-	476.535.383
Khu ĐT Nhơn Trạch – Đồng Nai	1.873.546.265	73.970.726	-	1.947.516.991
Cộng	34.826.129.292	7.958.687.732	20.248.144.109	22.536.672.915

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long ^(a)	1.800.000	18.581.773.480	1.550.000	15.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 ^(b)	1.785.000	17.850.000.000	1.785.000	17.850.000.000
Cộng		36.431.773.480		33.350.000.000

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0500589591 ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long 15.500.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 250.000 cổ phiếu với giá mua là 3.081.773.480 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 1.800.000 cổ phiếu, tương đương 36,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.550.000 cổ phiếu, tương đương 31% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long với tỷ lệ cổ phần sở hữu là 36% nhưng vẫn được trình bày ở khoản mục Đầu tư vào công ty con do Công ty có quyền biểu quyết đa số (3/5) trong các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty con.

- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600974553 ngày 29 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 là 17.850.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong kỳ không có biến động về khoản đầu tư này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 17.850.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà ^(a)	632.500	5.649.956.640	500.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông ^(b)	600.000	7.250.000.000	600.000	7.250.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà ^(c)	720.000	7.200.000.000	720.000	7.200.000.000
Cộng		20.099.956.640		19.450.000.000

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33,12% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã mua thêm 52.500 cổ phiếu với giá mua là 649.956.640 VND và nhận 80.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 712.500 cổ phiếu, tương đương 36,12% vốn điều lệ (số đầu năm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 33,12% vốn điều lệ).
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 06 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông 15.000.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ. Trong kỳ không có biến động về khoản đầu tư này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 600.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 9.000.000.000 VND.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Trong kỳ không có biến động về khoản đầu tư này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		11.652.000.000		11.652.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà ⁽ⁱ⁾	595.200	5.952.000.000	595.200	5.952.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch ⁽ⁱⁱ⁾	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên ⁽ⁱⁱⁱ⁾		2.200.000.000		2.200.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Trái phiếu (kỳ hạn 36 tháng)		10.000.000.000		10.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	10.000	10.000.000.000	10.000	10.000.000.000
Cộng		21.652.000.000		21.652.000.000
⁽ⁱ⁾ Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó: từ nguồn vốn của Công ty là 4.000.000.000 VND, các cá nhân góp vốn ủy thác qua Công ty là 4.000.000.000 VND.				
⁽ⁱⁱ⁾ Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà.				
⁽ⁱⁱⁱ⁾ Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà. Trong đó, tiền mua cổ phần là 2.000.000.000 VND, phí ủy thác là 200.000.000 VND.				

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	1.225.448.910	1.638.023.137	1.005.753.614	1.857.718.433
Chi phí bóc phủ	1.639.545.454	-	163.954.546	1.475.590.908
Cộng	2.864.994.364	1.638.023.137	1.169.708.160	3.333.309.341

16. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	36.213.853.789	13.589.939.554
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	8.065.686.662	-
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.560.468.442	-
Ngân hàng NN&PTNT Láng Hạ	18.892.397.767	13.589.939.554
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Quang Trung	7.695.300.918	-
Vay dài hạn đến hạn trả	10.293.691.800	19.122.191.800
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	4.991.000.000	9.406.000.000
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	1.394.191.800	2.992.191.800
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	2.271.000.000	3.449.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.637.500.000	3.275.000.000
Cộng	46.507.545.589	32.712.131.354

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	13.589.939.554	19.122.191.800	32.712.131.354
Số tiền vay phát sinh	42.237.906.155	-	42.237.906.155
Số tiền vay đã trả	(19.613.991.920)	(8.828.500.000)	(28.442.491.920)
Số cuối kỳ	36.213.853.789	10.293.691.800	46.507.545.589

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp vật tư, TB, CCDC	39.521.850.889	24.957.828.715
Phải trả nhà cung cấp điện	919.570.073	-
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ	1.604.141.989	-
Phải trả nhà thầu xây lắp	115.296.017.869	110.368.929.272
Phải trả nhà cung cấp khác	439.599.201	7.934.483.297
Cộng	157.781.180.021	143.261.241.284

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản ứng trước liên quan đến các hợp đồng xây dựng	155.264.116.710	123.330.125.273
Ứng trước tiền mua thành phẩm	417.344.074	-
Các khoản ứng trước khác	273.577.163	1.913.473.420
Cộng	155.955.037.947	125.243.598.693

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	865.705.061	4.347.838.805	1.919.323.083	3.294.220.783
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.604.940.184	2.618.876.657	1.604.940.184	2.618.876.657
Thuế thu nhập cá nhân	170.130.345	212.387.399	181.995.760	200.521.984
Thuế tài nguyên	138.739.350	487.173.601	218.602.271	407.310.680
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	14.000.000	7.000.000	7.000.000
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.218.650	20.651.810	23.513.500	16.356.960
Cộng	2.798.733.590	7.706.928.272	3.961.374.798	6.544.287.064

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động khác	5%

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế đơn vị tài nguyên nhân (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/ giá tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (Xem thuyết minh số IV.14)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.313.762.213	14.167.049.451
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	161.744.413	(3.088.544.711)
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	161.744.413	46.455.289
Điều chỉnh giảm (Cổ tức được chia)	-	(3.135.000.000)
Thu nhập tính thuế	10.475.506.626	11.078.504.740
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.618.876.657	2.769.626.185
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.618.876.657	2.769.626.185

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí các công trình	25.998.581.556	4.241.102.533
Chi phí dịch vụ đã phát sinh	1.353.376.097	545.215.644
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	-	979.360.945
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản	645.427.019	
Chi phí phải trả khác	-	97.107.003
Cộng	<u>27.997.384.672</u>	<u>5.862.786.125</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.199.460.181	798.634.218
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.210.162.814	505.632.589
Phải trả các đội tiền khoán công trình	14.033.399.979	17.723.175.484
Nhân ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	135.034.718	216.065.325
Cổ tức phải trả các cổ đông	4.827.339.373	29.201.173
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.618.575.239	1.523.352.060
Cộng	<u>26.046.472.304</u>	<u>23.818.560.849</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	835.769.280	-	96.900.000	738.869.280
Quỹ phúc lợi	532.853.640	890.105.568	378.200.000	1.044.759.208
Cộng	<u>1.368.622.920</u>	<u>890.105.568</u>	<u>475.100.000</u>	<u>1.783.628.488</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên</i>	<i>39.170.546.906</i>	<i>39.170.546.906</i>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.	35.866.123.867	35.866.123.867
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.	3.304.423.039	3.304.423.039
<i>Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô</i>	<i>89.700.000</i>	<i>89.700.000</i>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.342.09/HĐTDTH ngày 26/08/2010, vay để đầu tư mua máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009.	89.700.000	89.700.000
<i>CN Ngân hàng Công thương Quang Trung</i>	<i>3.240.049.257</i>	<i>3.240.049.257</i>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 028/2007/HĐTD ngày 05/03/2007, thời hạn vay 72 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Khai thác xà sản xuất đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường”	3.141.159.257	3.141.159.257
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 200410/HĐTD ngày 24/04/2010, thời hạn vay 60 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”	98.890.000	98.890.000
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</i>	<i>17.210.976.000</i>	<i>17.210.976.000</i>
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/123/09/TH ngày 12/7/2010, thời hạn vay là 60 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành	1.129.600.000	1.129.600.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/049/09/TH ngày 09/9/2009, thời hạn vay là 36 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua ô tô phục vụ công tác điều hành thi công	76.500.000	76.500.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH ngày 21/10/2009, thời hạn vay là 120 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7 - tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông	16.004.876.000	16.004.876.000
Cộng	<u>59.711.272.163</u>	<u>59.711.272.163</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	10.293.691.800	19.122.191.800
Trên 1 năm đến 5 năm	59.711.272.163	59.711.272.163
Trên 5 năm		
Tổng nợ	<u>70.004.963.963</u>	<u>78.833.463.963</u>
Trong kỳ không phát sinh tăng giảm các khoản vay dài hạn.		

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	825.164.354	722.921.428
Số trích lập bổ sung	-	252.567.617
Số đã chi	(26.184.275)	(120.418.711)
Giảm khác	-	(29.905.980)
Số cuối kỳ	<u>798.980.079</u>	<u>825.164.354</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	30.747.580.408	(128.058.585)	21.349.814.198	1.877.472.470	21.291.439.603	125.138.248.094
Chia cổ tức 2009 bằng cổ phiếu	7.991.410.000						7.991.410.000
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	21.977.560.000	(1.000.000)					21.976.560.000
Lợi nhuận trong năm 2009	-	-	-	-	-	17.802.111.360	17.802.111.360
Phân phối lợi nhuận năm 2009						(21.282.849.603)	(9.355.410.000)
Trích quỹ ĐTPT, DPTC	-	-	-	10.863.439.603	1.064.000.000	(11.927.439.603)	-
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(1.064.000.000)	(1.064.000.000)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(7.991.410.000)	(7.991.410.000)
Tạm ứng cổ tức 2010	-	-	-	-	-	(4.994.900.000)	(4.994.900.000)
Số dư cuối năm trước	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	12.815.801.360	158.558.019.454
Số dư đầu năm nay	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	12.815.801.360	158.558.019.454
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	7.694.885.556	7.694.885.556
Phân phối lợi nhuận năm 2010						(12.802.111.360)	(5.688.243.768)
Trích quỹ ĐTPT, DPTC	-	-	-	6.223.762.024	890.105.568	(7.113.867.592)	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(890.105.568)	(890.105.568)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(4.798.138.200)	(4.798.138.200)
Số dư cuối kỳ này	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	7.708.575.556	160.564.661.242

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tập đoàn Sông Đà)	29.680.000.000	29.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông	50.288.970.000	50.288.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	30.746.580.408	30.746.580.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
Cộng	110.587.491.823	110.587.491.823

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ tức năm trước	4.798.138.200	7.991.410.000
Tạm ứng cổ tức	-	4.994.900.000
Cộng	4.798.138.200	12.986.310.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.996.897	7.996.897
- Cổ phiếu phổ thông	7.996.897	7.996.897
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.100	5.100
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.991.797	7.991.797
- Cổ phiếu phổ thông	7.991.797	7.991.797
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	193.992.250.174	199.731.287.215
Doanh thu bán điện thương phẩm	11.349.786.262	7.171.589.400
Doanh thu hoạt động xây dựng	158.068.300.400	154.076.966.959
Doanh thu hoạt động khác	24.574.163.512	38.482.730.856
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(18.181.112)	-
- Hàng bán bị trả lại	(18.181.112)	-
Doanh thu thuần	193.974.069.062	199.731.287.215

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	2.912.801.724	2.782.270.658
Giá vốn của hoạt động xây dựng	139.949.767.281	143.390.967.499
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	18.845.425.478	30.483.118.774
Cộng	161.707.994.483	176.656.356.931

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	178.545.635	141.764.648
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	459.560.105	2.533.408.448
Phí bảo lãnh	439.657.239	315.164.469
Lãi thu của các đội thi công	-	206.756.027
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	3.135.000.000
Cộng	1.077.762.979	6.332.093.592

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.188.716.129	5.811.572.105
Phí bảo lãnh	1.096.993.869	315.164.469
Chi phí tài chính khác	8.050.000	-
Cộng	9.293.759.998	6.126.736.574

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.803.939.648	6.388.914.702
Chi phí vật liệu quản lý	955.531.359	644.400.981
Chi phí đồ dùng văn phòng	151.017.221	58.738.966
Chi phí khấu hao TSCĐ	794.386.749	455.564.933
Thuế, phí và lệ phí	146.137.185	152.067.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.101.368.104	1.464.807.536
Chi phí bằng tiền khác	2.116.116.586	2.469.000.243
Cộng	14.068.496.852	11.633.494.962

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	367.336.364	44.565.000
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn	-	2.565.539.679
Hoàn nhập chi phí trích trước	-	800.689.173
Thu bồi thường thiệt hại do bên nhà thầu gây ra	40.000.000	-
Thu nhập bán hồ sơ thầu	909.091	-
Thu nhập khác	12.681.819	44.539.460
Cộng	420.927.274	3.455.333.312

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	37.714.512	-
Xử lý khoản nợ phải thu không thu được	-	10.001.263
Các khoản tiền phạt (chậm nộp BHXH, thuế GTGT...)	15.154.725	46.455.289
Chi phí mua dầu	-	792.853.104
Chi phí khắc phục thiệt hại do nhà Thầu gây ra	26.660.888	-
Chi phí khác	9.215.644	40.000.000
Cộng	88.745.769	889.309.656

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	734.888.092	847.512.350
Phụ cấp	252.000.000	-
Cộng	986.888.092	847.512.350

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Sông Đà		
Thu hồi vốn cho Tập đoàn vay		4.763.535
Phụ phí công trình Nậm Chiến đã trả	313.203.534	330.359.929
Nhận ứng trước tiền CT Thủy điện Nậm Chiến	11.911.796.466	4.058.293.894
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long		
Giao dịch mua hàng	35.804.715.630	24.800.688.495
Giá trị xây lắp hoàn thành	11.212.523.720	14.513.421.698
Thuế GTGT	1.121.252.372	1.451.342.170
Giao dịch bán hàng	-	3.742.481.785
Cung cấp bê tông		3.402.256.168
Thuế GTGT		340.225.617
Giao dịch khác	3.437.682.523	3.660.016.919
Cổ tức được chia		3.035.000.000
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	328.342.160	118.823.160
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình	25.060.803	
Thuế GTGT	2.506.080	
Thanh toán tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng		506.193.759
Giá trị cổ phiếu trong năm	2.500.000.000	
Chênh lệch giá mua cổ phiếu	581.773.480	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11		
Giao dịch mua hàng	4.391.967.191	7.628.688.098
Giá trị xây lắp hoàn thành	3.992.697.446	6.935.170.997
Thuế GTGT	399.269.745	693.517.101
Tiền phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng		71.230.835
Giao dịch khác	79.806.826	71.230.835
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	46.053.840	71.230.835
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình	30.684.533	-
Thuế GTGT	3.068.453	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà		
Cổ tức được chia	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông		
Góp vốn điều lệ	-	1.750.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà		
Giao dịch mua hàng	28.359.819.326	48.538.170.819
Giá trị xây lắp hoàn thành	25.781.653.933	44.125.609.835
Thuế GTGT	2.578.165.393	4.412.560.984
Giao dịch bán hàng	(19.089.749)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện trong kỳ	826.795	-
Thuế GTGT	82.680	-
Giảm trừ doanh thu do quyết toán	(18.181.112)	-
Thuế GTGT	(1.818.111)	-
Giao dịch khác	77.096.092	50.779.152.976
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	77.096.092	-
Cho vay vốn lưu động	-	25.085.463.374
Thu hồi vốn vay	-	17.864.311.871
Lãi vay vốn lưu động	-	629.377.731
Góp vốn bằng tài sản và công nợ	-	7.200.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tập đoàn Sông Đà	364.235.777	364.235.777
Phải thu về công trình xây dựng	364.235.777	364.235.777
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	6.523.747.652	6.111.550.235
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	5.805.615.096	5.420.984.561
Phải thu về khối lượng công trình xây dựng	690.565.673	690.565.674
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình	27.566.883	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	16.310.146.392	14.489.741.349
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	16.276.393.406	14.489.741.349
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình	33.752.986	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà	16.548.296.698	16.859.021.692
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	16.548.296.698	16.859.021.692
Cộng nợ phải thu	39.746.426.519	37.133.983.379
Tập đoàn Sông Đà	12.225.270.353	4.058.855.247
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	270.353	561.353
Phải trả về tiền ứng trước công trình Nậm Chiến	12.225.000.000	4.058.293.894
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	20.160.675.786	22.554.315.399
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	20.160.675.786	22.554.315.399
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	12.997.865.683	24.082.122.060
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	12.997.865.683	24.082.122.060
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	30.184.560.232	26.809.832.277
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	30.184.560.232	26.809.832.277
Cộng nợ phải trả	75.568.372.054	77.505.124.983

2. Chi phí lãi vay vốn hoá

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	267.292.443	988.075.521
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung	-	-
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	267.292.443	988.075.521

3. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	158.050.119.288	35.923.949.774	193.974.069.062
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	158.050.119.288	35.923.949.774	193.974.069.062
Chi phí bộ phận	(151.412.781.984)	(24.363.709.351)	(175.776.491.335)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.637.337.304	11.560.240.423	18.197.577.727
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			18.197.577.727
Doanh thu hoạt động tài chính			1.077.762.979
Chi phí tài chính			(9.293.759.998)
Thu nhập khác			420.927.274
Chi phí khác			(88.745.769)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.618.876.657)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			7.694.885.556

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà -Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	448.816.461.499	104.281.712.554	553.098.174.053
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			112.724.501.351
Tổng tài sản			665.822.675.404
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	401.805.874.401	86.532.716.264	488.338.590.665
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	16.841.672.082
Tổng nợ phải trả			505.180.262.747

4. Thay đổi ước tính kế toán

Trong kỳ Công ty giảm thời gian khấu hao loại máy móc thiết bị là các loại máy bơm nước từ 6 năm xuống 3 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao kỳ này tăng 113.098.219 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

5. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét bởi A&C.

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn